

Số: 2794/TB-ĐGTS

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Điền tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất như sau:

1. Tên tài sản, số lượng của tài sản đấu giá, nơi có tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở gồm 56 lô đất tại Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu và Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

1.1. Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Vị trí: Khu đất quy hoạch đấu giá thuộc thôn Đông Lái, xã Phong Thu, huyện Phong Điền (Ngày 01/1/2025 thuộc phường Phong Thu, thị xã Phong Điền).
Cụ thể: Thuộc vị trí 1 đường quy hoạch 12m (Vị trí 1, KV1).

- Diện tích: 3.605,4 m² ; số lô đất đấu giá là: 11 lô.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (ONT), từ ngày 01/01/2025 là đất ở tại đô thị (ODT) theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 ngày 30/11/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Kích thước, diện tích lô đất: Theo phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Hạ tầng Khu dân cư Đông Lái được UBND huyện Phong Điền phê duyệt tại Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND huyện Phong Điền.

- Hạ tầng kỹ thuật: Cơ sở hạ tầng (san nền, điện, nước, đường giao thông,..) đã được đầu tư hoàn chỉnh.

- Tài sản gắn liền với các thửa đất: Không có tài sản trên đất.

1.2. Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Vị trí: Khu đất quy hoạch đấu giá thuộc tổ dân phố Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền. Cụ thể: Thuộc vị trí 1 đường quy hoạch 13,5 m và vị trí 1 đường Hoàng Ngọc Chung.

- Diện tích: 8.600,5 m² ; số lô đất đấu giá là: 45 lô.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị (ODT).

- Kích thước, diện tích lô đất: Theo phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Khu dân cư Trạch Thượng 2 được UBND huyện Phong Điền phê duyệt tại Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 và tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Phong Điền.

- Hạ tầng kỹ thuật: Cơ sở hạ tầng (san nền, điện, nước, đường giao thông,..) đã được đầu tư hoàn chỉnh.

- Tài sản gắn liền với các thửa đất: Không có tài sản trên đất

1.3 . Hình thức, thời hạn sử dụng đất:

- Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2. Giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá của tài sản đấu giá

2.1 Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)
1	1	626	31	492,50	VT1, Khu vực 1 (Hai mặt tiền đường có mặt cắt 12m)	1.600.000	788.000.000	157.600.000	32.000.000
2	2	624	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
3	3	622	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
4	4	620	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
5	5	618	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
6	52	619	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
7	53	621	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
8	54	623	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
9	55	625	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
10	56	627	31	300,00	VT1, Khu vực 1 (Đường có mặt cắt 12m)	1.500.000	450.000.000	90.000.000	18.000.000
11	57	628	31	412,90	VT1, Khu vực 1 (Hai mặt tiền đường có mặt cắt 12m)	1.600.000	660.640.000	132.128.000	27.000.000
Tổng cộng: 11 lô				3.605,40			5.498.640.000		

Giá trúng đấu giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ.

2.2. Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)
1	C01	445	13	238,5	Hai mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.400.000	810.900.000	162.180.000	33.000.000
2	C02	447	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
3	C03	449	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)
4	C04	451	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
5	C05	453	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
6	C06	455	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
7	C07	457	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
8	C08	459	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
9	C09	461	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
10	C10	463	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
11	C11	465	13	238,5	Hai mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.400.000	810.900.000	162.180.000	33.000.000
12	C12	446	13	238,5	Hai mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.400.000	810.900.000	162.180.000	33.000.000
13	C13	448	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
14	C14	450	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
15	C15	452	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
16	C16	454	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
17	C17	456	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
18	C18	458	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
19	C19	460	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
20	C20	462	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
21	C21	464	13	191,2	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.200.000	611.840.000	122.368.000	25.000.000
22	C22	466	13	238,5	Hai mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.400.000	810.900.000	162.180.000	33.000.000
23	D01	476	13	128,8	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	425.040.000	85.008.000	17.000.000
24	D02	477	13	128,9	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	425.370.000	85.074.000	17.000.000
25	D03	478	13	131,1	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	432.630.000	86.526.000	17.000.000
26	D04	479	13	133,6	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	440.880.000	88.176.000	17.000.000
27	D05	480	13	136,4	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	450.120.000	90.024.000	17.000.000
28	D06	481	13	139,6	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	460.680.000	92.136.000	17.000.000
29	D07	482	13	142,8	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	471.240.000	94.248.000	17.000.000

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)
30	D08	483	13	146,8	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	484.440.000	96.888.000	19.000.000
31	D09	484	13	151,6	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	500.280.000	100.056.000	20.000.000
32	D10	485	13	168,1	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	554.730.000	110.946.000	22.000.000
33	D11	486	13	167,5	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	552.750.000	110.550.000	22.000.000
34	D12	487	13	167,0	Một mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.300.000	551.100.000	110.220.000	22.000.000
35	D13	488	13	254,9	Hai mặt tiền đường quy hoạch 13,5m	3.400.000	866.660.000	173.332.000	35.000.000
36	E01	467	13	235,5	Hai mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung và đường quy hoạch 13,5 m	3.500.000	824.250.000	164.850.000	33.000.000
37	E02	468	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
38	E03	469	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
39	E04	470	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
40	E05	471	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
41	E06	472	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
42	E07	473	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
43	E08	474	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
44	E09	475	13	208,8	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	3.400.000	709.920.000	141.984.000	28.000.000
45	E10	444	13	301,9	Một mặt tiền đường Hoàng Ngọc Chung 13,5m	2.900.000	875.510.000	175.102.000	35.000.000
Tổng cộng: 45 lô				8.600,5			28.251.760.000		

Giá trúng đấu giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ.

3. Hồ sơ kèm theo tài sản đấu giá: Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Điền để quản lý tại khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu, huyện Phong Điền; Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Hạ tầng khu dân cư Đông Lái, xã Phong Thu; Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Điền để quản lý, xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Trạch Thượng 2, tại thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền; Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Hạ tầng phát triển quỹ đất khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 29

tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Hạ tầng phát triển quỹ đất khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền; Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 11445/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt phương án giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất ở 11 lô đất tại Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu và 45 lô đất tại Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền; Quyết định số 11522/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu và Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền; Quyết định số 11611/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu và Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Điền, địa chỉ: số 33 Phò Trạch, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá và giấy tờ liên quan:

a. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Từ ngày niêm yết đấu giá tài sản cho đến ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại vị trí các lô đất đấu giá Khu dân cư Đông Lái (giai đoạn 1), xã Phong Thu và Khu dân cư Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khách hàng có nhu cầu xem tài sản đăng ký tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đến hết ngày 06/01/2025 và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức xem tài sản trong giờ hành chính vào các ngày 07, 08 tháng 01 năm 2025.

b. Xem giấy tờ có liên quan: Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản cho đến 17 giờ 00 ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản cho đến 17 giờ 00 ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

a. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá:

- 200.000 đồng/lô/hồ sơ đối với lô đất có giá khởi điểm từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

- 500.000 đồng/lô/hồ sơ đối với lô đất có giá khởi điểm trên 500.000.000 đồng.

b. Tiền đặt trước: Khách hàng nộp mức tiền đặt trước được quy định tại mục 2 thông báo này từ ngày 14/01/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 16/01/2025 và nộp vào tài khoản số **116869099999** của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế;

Nội dung nộp tiền ghi: Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước đấu giá quyền sử dụng đất tại KDC Đông Lái, xã Phong Thu hoặc KDC Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền (Ví dụ: Nguyễn Văn A nộp tiền đặt trước đấu giá QSD đất tại KDC Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền).

8. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

a. Thời gian, địa điểm đăng ký, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

- Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đấu giá tài sản đến **17 giờ 00' ngày 14 tháng 01 năm 2025** tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Từ 08 giờ 30' đến 11 giờ 00' ngày 14 tháng 01 năm 2025**, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp nhận hồ sơ tại UBND thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

b. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 và không thuộc trường hợp người không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 Luật đấu giá tài sản 2016, có nhu cầu sử dụng đất làm nhà ở và đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 125 Luật Đất đai năm 2024, cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt khi trúng đấu giá, có nhu cầu tham gia đấu giá, chấp nhận giá khởi điểm, quy chế cuộc đấu giá, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước theo quy định. Người đăng ký tham gia đấu giá được quyền đăng ký đấu giá một hoặc nhiều lô khác nhau và nộp tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tương ứng với số lô đã đăng ký trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

Hồ sơ tham gia đấu giá tài sản: Cá nhân nộp phiếu đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu) do Trung tâm phát hành kèm theo các loại giấy tờ sau:

- Căn cước công dân, giấy đăng ký kết hôn của vợ, chồng hoặc giấy xác nhận thông tin về cư trú: 02 bản.

- Căn cước công dân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký thường trú (trường hợp cá nhân nộp đơn chưa có vợ, chồng): 02 bản.

- Văn bản ủy quyền tham gia đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận (trong trường hợp ủy quyền) và CCCD của người được ủy quyền: 02 bản.

- Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ hoặc chồng có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong trường hợp cá nhân đã đăng ký kết hôn và muốn đứng tên tài sản riêng khi mua được tài sản đấu giá): 02 bản.

Ghi chú: Ngoài phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Trung tâm nhận bản sao có chứng thực các loại giấy tờ nêu trên hoặc bản photocopy sau khi đối chiếu với bản chính. Trường hợp khách hàng tham gia đăng ký đấu giá nhiều lô/ thửa đất cùng một khu quy hoạch/một xã (thị trấn) thì chỉ cần 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá; Hồ sơ không trúng đấu giá không hoàn trả lại.

9. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Vào lúc **08 giờ 30' ngày 17 tháng 01 năm 2025** tại Hội trường UBND thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Hình thức, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá theo từng lô, không hạn chế số vòng trả giá và đấu giá theo phương thức trả giá lên.

Cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền sử dụng đất liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Linh, phường An Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Điện thoại: 0234.3501567-0975001218, website: daugiatthue.com và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Điền, địa chỉ: 33 Phò Trạch, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; điện thoại: 0234.3761918./.

Nơi nhận:

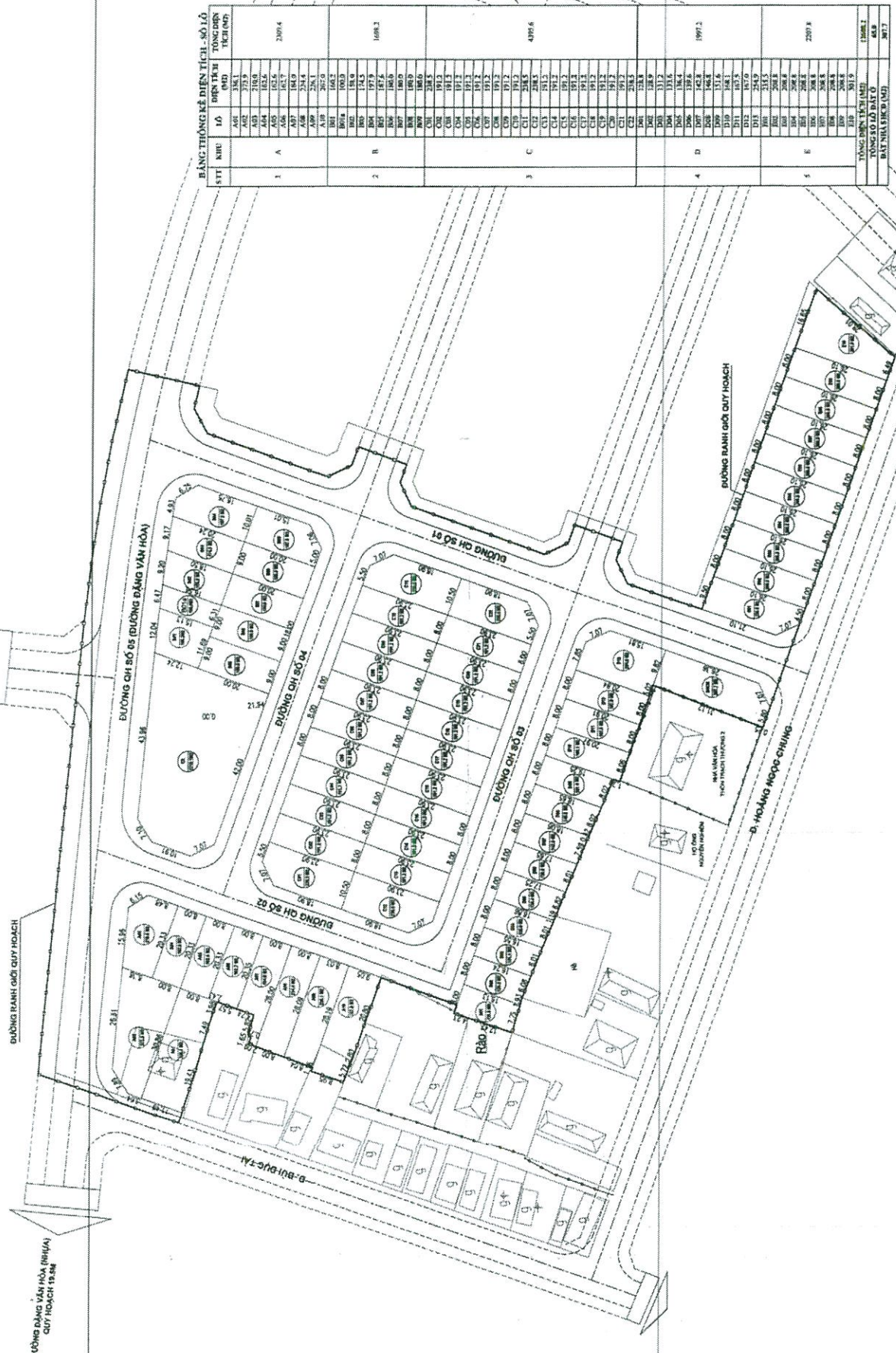
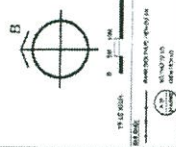
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin Cục Quản lý công sản - BTC;
- Cổng TTĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền;
- Các phòng: TN&MT, TC-KH huyện Phong Điền;
- Trung tâm PTQĐ huyện Phong Điền;
- UBND thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong Thu, huyện Phong Điền
- Niêm yết tại UBND thị trấn Phong Điền, UBND xã Phong Thu và nơi tổ chức cuộc đấu giá tài sản;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu: VT, HSĐG (B.10).



Phan Tiến Dũng

Thị trấn

MẶT BẰNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN LÔ
(TỶ LỆ: 1/5000)



BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH-SỐ LÔ

STT	NHÓM	LÔ	DIỆN TÍCH (M ²)	TỔNG DIỆN TÍCH (M ²)
1	A	A01	386,1	2089,4
		A02	373,9	
		A03	373,9	
		A04	382,6	
		A05	402,6	
		A06	455,7	
2	B	B01	267,0	1688,3
		B02	166,2	
		B03	100,0	
		B04	142,5	
		B05	177,9	
		B06	187,6	
		B07	180,0	
		B08	180,0	
		B09	180,0	
		B10	180,0	
3	C	C01	208,5	489,6
		C02	191,2	
		C03	191,2	
		C04	191,2	
		C05	191,2	
		C06	191,2	
		C07	191,2	
		C08	191,2	
		C09	191,2	
		C10	191,2	
		C11	208,5	
		C12	208,5	
4	D	D01	131,2	1997,2
		D02	131,6	
		D03	138,5	
		D04	138,5	
		D05	142,8	
		D06	146,8	
		D07	151,6	
		D08	151,6	
		D09	187,0	
		D10	187,0	
5	E	E01	254,9	2207,8
		E02	313,5	
		E03	208,8	
		E04	208,8	
		E05	208,8	
		E06	208,8	
		E07	208,8	
		E08	208,8	

TỔNG DIỆN TÍCH (M²)
TỔNG SỐ LÔ ĐẤT
ĐẤT TRUYỀN THỐNG (M²)

1688,3
489,6
2077,7